

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2020

"V/v: tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HN/GĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020,

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X - sinh năm 1977

HKTT: thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Nhữ Công B - sinh năm 1972

HKTT: thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H.

Chị X có mặt, anh B vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh B tự do tìm hiểu, tự nguyện khoảng 3 tháng, đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 16/9/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được một năm đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, trong phát triển kinh tế gia đình. Chị đã phải đi lao động nước ngoài để có tiền gửi về lo cho cuộc sống các con và xây dựng nhà cửa. Tuy vậy gần đây chị gửi tiền về, anh B không lo cho gia đình mà chi tiêu trong việc chơi bời, chị biết đã không gửi tiền về nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, Tháng 2/2020 chị hết thời gian lao động về nước, chỉ được một ngày vợ chồng cãi chửi nhau nên chị bỏ về nhà để chị ở cho đến nay. Như vậy từ tháng 4/2014 khi chị đi lao động ở nước ngoài và về nước cho đến nay, vợ chồng ly thân không còn tình cảm, anh B thường xuyên chửi bới nên chị xác định không còn tình cảm với anh B, chị xin ly hôn và không chấp

nhận đoàn tụ với anh B. Việc anh B cố tình không đến Tòa án làm việc là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh B theo quy định.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Nhữ Văn Q, sinh ngày 28/11/1996, Nhữ Thị N, sinh ngày 20/6/2000, hai con chung đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị xác định sẽ tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh B không hợp tác với Tòa án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho con anh B là cháu Q cam kết giao lại cho anh B, đồng thời niêm yết theo quy định nhưng anh B không hợp tác, không chịu khai báo cung cấp chứng cứ. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh B đều vắng mặt, không hợp tác với chị X và với Tòa án. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh B đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị K (*mẹ đẻ anh B*) xác định: anh B là con út trong gia đình có 05 người con. Năm 1995 anh chị tự tìm hiểu và tổ chức đăng ký kết hôn, cưới theo phong tục. Vợ chồng ở cùng gia đình một thời gian sau đó mua đất khác ở riêng. Từ khi chị X đi lao động ở Đài Loan, vợ chồng mâu thuẫn. đầu năm 2020 chị X về nước nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ, chị X hỏi ý kiến bà việc ly hôn, bà nói do anh chị tự quyết định. Anh B đi làm ăn ở đâu bà không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà. Anh B cũng không về làm việc với Tòa án. Anh chị có hai con chung đều đã trưởng thành, anh chị không có công sức đóng góp với gia đình bà.

Ông Nguyễn Công M (*bố đẻ chị X*) trình bày về điều kiện và thời gian kết hôn như chị X trình bày, anh chị chung sống khoảng 10 năm mới phát sinh mâu thuẫn, chị X đi Đài Loan làm ô sin đến tháng 2/2020 về nước nhưng không ở nhà anh B mà về nhà ông ở cho đến nay, anh B không tìm, hai gia đình khuyên bảo nhưng chị X kiên quyết không chấp nhận đoàn tụ, nay chị X xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nhữ Công B.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nhữ Văn Q, sinh ngày 28/11/1996, Nhữ Thị N, sinh ngày 20/6/2000 đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị X không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Quá trình thu thập chứng cứ anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không nhận, không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh B vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị X và anh Nhữ Công B kết hôn trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 16/9/1995.

Trong quá trình chung sống, chị X xác định vợ chồng hòa thuận thời gian đầu sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B và chị không hợp nhau, thường bộc lộ quan điểm sống không đồng nhất dẫn đến hai bên thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 2/2014 chị đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn mâu thuẫn, tháng 2/2020 chị hết hạn lao động về nước nhưng chỉ ở nhà của vợ chồng một ngày, anh B gây mâu thuẫn chửi bới khóa cửa không cho vào buộc chị phải về nhà để ở cho đến nay. Anh B không tìm, gia đình khuyên ngăn nhưng chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị kiên quyết không về và làm đơn xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh B biết chị X quyết tâm ly hôn nhưng anh không tìm, không có biện pháp, điều kiện gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án gọi báo làm việc và hoà giải nhưng anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, mục đích gây khó khăn cho chị X nên không nhất trí ly hôn.

Tòa án đã có công văn gửi Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, ngày 08/7/2020 Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an có công văn trao đổi xác định anh Nhữ Công B không có thông tin xuất nhập cảnh.

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị X, anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị X được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị X, anh B có hai con chung là Nhữ Văn Q, sinh ngày 28/11/1996, Nhữ Thị N, sinh ngày 20/6/2000 đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị X, anh B có tài sản chung nhưng chị X không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị X khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nhữ Công B.
2- *Về con chung*: Không giải quyết.
3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị X không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003125 ngày 18-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho chị X biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Xuân Thành